

# NURSING KNOWLEDGE ABOUT PREVENTION OF SOME BIOLOGICAL OCCUPATIONAL DAMAGE FACTORS AT BINH LUC DISTRICT MEDICAL CENTER, HA NAM PROVINCE IN 2022

Dinh Thi Kim Anh<sup>1</sup>, Ngo Thi Nhu<sup>2\*</sup>, Dang Thi Van Quy<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Hanoi University of Public Health - 1A Duc Thang, Dong Ngac, Bac Tu Liem, Hanoi, Vietnam

<sup>2</sup>Thai Binh University of Medicine and Pharmacy - 373 Ly Bon, Thai Binh city, Thai Binh province, Vietnam

Received: 27/12/2023

Revised: 31/01/2024; Accepted: 14/03/2024

## ABSTRACT

**Objectives:** Evaluating nurses' knowledge on prevention of biological occupational harmful factors at Binh Luc District Medical Center, Ha Nam province in 2022.

**Research subjects and methods:** Nurses working at the health center and at the community health station under the management of Binh Luc district health center in Ha Nam Province

**Results:** The percentage of nurses who know biological occupational harmful factors is not high, only accounting for 54.3% to 68.1% with the contents of specimens, waste, and patient blood contaminated with microorganisms. The number of nurses who know the effects of biological occupational harm from hepatitis B and C virus infection is 63.8%; Covid infection is 67.2%; tuberculosis infection, HIV/AIDS (60.3%); respiratory tract damage (49.1%). 92.2% of nurses said that the measure to prevent biological occupational harm is using personal protective equipment; 52.6% think there must be continuous training and education and 48.3% think it is necessary to ensure occupational safety and hygiene. The rate of nurses gaining knowledge about harmful occupational factors is 22.4%.

**Conclusion:** Nurses often suffer occupational harm while performing treatment, the main cause being carelessness and the patient's reaction. Therefore, it is necessary to equip nurses with basic and necessary knowledge to prevent occupational harm.

**Keywords:** Nurses, Occupational harm, Biology.

---

\*Corresponding author

Email address: nhuytbvn@gmail.com

Phone number: (+84) 912 623 826

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1008>



# KIẾN THỨC CỦA ĐIỀU DƯỠNG VỀ DỰ PHÒNG MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC HẠI NGHỀ NGHIỆP SINH HỌC TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH LỤC TỈNH HÀ NAM NĂM 2022

Đình Thị Kim Anh<sup>1</sup>, Ngô Thị Nhu<sup>2\*</sup>, Đặng Thị Vân Quý<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Đại học Y tế Công cộng Hà Nội - 1A Đ. Đức Thắng, Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường đại học Y Dược Thái Bình - 373 Lý Bôn, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Ngày nhận bài: 27 tháng 12 năm 2023

Ngày chỉnh sửa: 31 tháng 01 năm 2024; Ngày duyệt đăng: 14 tháng 03 năm 2024

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá kiến thức của điều dưỡng viên về dự phòng một số yếu tố tác hại nghề nghiệp sinh học tại trung tâm y tế huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam năm 2022.

**Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Điều dưỡng viên làm việc tại Trung tâm y tế và tại TYT thuộc quản lý của Trung tâm Y tế huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam

**Kết quả nghiên cứu:** Tỷ lệ điều dưỡng biết các yếu tố tác hại nghề nghiệp sinh học chưa cao, chỉ chiếm từ 54,3% đến 68,1% với các nội dung bệnh phẩm, chất thải, máu người bệnh nhiễm vi sinh vật. Số điều dưỡng biết ảnh hưởng của tác hại nghề nghiệp sinh học nhiễm virút viêm gan B, C là 63,8%; nhiễm Covid là 67,2%; nhiễm lao, HIV/AIDS (60,3%); tổn thương đường hô hấp (49,1%). Có 92,2% điều dưỡng kể được biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp sinh học là sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân; 52,6% cho là phải được tập huấn và đào tạo liên tục và 48,3% cho là đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Tỷ lệ điều dưỡng đạt kiến thức về các yếu tố tác hại nghề nghiệp là 22,4%.

**Kết luận:** Điều dưỡng viên thường mắc tác hại nghề nghiệp trong khi thực hiện các khâu điều trị với nguyên nhân chính là do bất cẩn và phản ứng của người bệnh. Do đó cần trang bị cho điều dưỡng viên các kiến thức cơ bản và cần thiết để phòng tác hại nghề nghiệp (THNN).

**Từ khoá:** Điều dưỡng viên, tác hại nghề nghiệp, Sinh học.

---

\*Tác giả liên hệ

Email: nhuytbvn@gmail.com

Điện thoại: (+84) 912 623 826

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1008>

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Yếu tố tác hại nghề nghiệp là nguyên nhân tiềm ẩn làm hạn chế khả năng làm việc, ảnh hưởng không có lợi đến sức khỏe người lao động, gây nên các bệnh nghề nghiệp, thậm chí gây tử vong. Trong khi đó điều dưỡng là những người lao động đang thực hiện công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tại các cơ sở y tế và có nguy cơ phơi nhiễm với rất nhiều yếu tố nguy hại cho sức khỏe của họ. Để giảm thiểu những rủi ro tai nạn có thể xảy ra đối với điều dưỡng trong quá trình chăm sóc, điều dưỡng cần có kiến thức đúng. Để tìm hiểu về công tác dự phòng tác hại nghề nghiệp và kiến thức, thực hành của điều dưỡng về dự phòng tác hại nghề nghiệp tại Trung tâm Y tế huyện Bình Lục như thế nào? Chúng tôi tiến hành nghiên cứu **“Kiến thức của điều dưỡng về dự phòng tác hại nghề nghiệp sinh học tại trung tâm y tế huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam”** với mục tiêu: *Đánh giá kiến thức của điều dưỡng viên về dự phòng một số yếu tố tác hại nghề nghiệp sinh học tại trung tâm y tế huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam năm 2022.*

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

\* Đối tượng: Điều dưỡng viên đang làm việc tại Trung tâm y tế và tại TYT thuộc quản lý của Trung tâm Y tế huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam, được chia thành 2 nhóm: Nhóm 1 là những điều dưỡng đang làm việc trực tiếp tại Trung tâm y tế huyện. Nhóm 2 là những điều dưỡng đang làm việc tại các TYT thuộc quyền quản lý của Trung tâm y tế huyện Bình Lục.

\* Tiêu chuẩn lựa chọn

- Tất cả điều dưỡng viên tại các khoa/phòng đang thực hiện công việc chăm sóc người bệnh trực tiếp tại Trung tâm y tế huyện và tại các trạm y tế thuộc quản lý của Trung tâm.

- Có thời gian công tác tại Trung tâm/TYT ít nhất 6 tháng tính đến thời điểm nghiên cứu.

- Điều dưỡng viên bao gồm cả nhân viên chính thức, nhân viên hợp đồng và nhân viên học việc.

- Đồng ý tham gia nghiên cứu

\* Địa điểm: Trung tâm y tế và tại TYT thuộc quản lý của Trung tâm Y tế huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam

\* Thời gian nghiên cứu: Tháng 1/2022 đến tháng 6 năm 2022

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

\* Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu dịch tễ học mô tả với cuộc điều tra cắt ngang.

\* Cỡ mẫu và chọn mẫu

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{e^2}$$

- n: Số điều dưỡng viên được điều tra

- Z: là độ tin cậy lấy ở ngưỡng xác suất  $\alpha = 0,05$ , tra bảng ta được  $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$

- p: là tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức đúng về dự phòng THNN nghiên cứu trước là 0,7 [35].

- e: Sai số trong nghiên cứu này lấy bằng 0,07

Tính toán được cỡ mẫu:  $n = 110$ , thực tế chúng tôi đã điều tra 116 điều dưỡng đang làm việc tại Trung tâm y tế huyện và TYT

\* Chọn mẫu: Đối tượng là điều dưỡng đủ tiêu chuẩn lựa chọn vào nghiên cứu: Với Trung tâm y tế huyện Bình Lục có 116 điều dưỡng đủ tiêu chuẩn, do đó chúng tôi áp dụng chọn tất cả điều dưỡng tại Trung tâm đủ tiêu chuẩn chọn để điều tra

\* Nội dung/chỉ số nghiên cứu bao gồm số điều dưỡng viên, số bị THNN, phân bố THNN theo tuổi, theo giới, vị trí công việc, theo khoa, phòng, hoàn cảnh xảy ra, vị trí tổn thương, sơ cứu, nguyên nhân, hậu quả...

\* Quy trình tiến hành nghiên cứu: Liên hệ với phòng chức năng lấy danh sách nhân viên Điều dưỡng tại các khoa tiến hành nghiên cứu. Sau đó, liên hệ với Trưởng khoa, Điều dưỡng Trưởng khoa xin thu thập số liệu tại khoa. Sắp xếp thời gian hợp lý để tránh ảnh hưởng đến công việc của đối tượng. Đối với những điều dưỡng không có mặt tại thời điểm điều tra viên sẽ đến vào ngày hôm sau để tiếp tục việc thu thập số liệu

\* Phương pháp thu thập số liệu: Bộ công cụ phỏng vấn kiến thức, thực hành về tác hại nghề nghiệp bao gồm các nội dung: kiến thức về các tác hại, vấn đề sức khỏe, khoa phòng có nguy cơ cao bị tác động, các biện pháp dự phòng và các bệnh nghề nghiệp nào do yếu tố tác hại sinh học gây ra, thực hành về sử dụng phương tiện PHCN, Vệ sinh tay, tiêm an toàn và xử lý chất thải rắn.



\* Tiêu chuẩn đánh giá: Công cụ đo lường kiến thức gồm tổng số câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng tương ứng 1 điểm. Kiến thức của các đối tượng được chia thành 2 mức:

+ Kiến thức chưa đạt khi tổng số điểm các câu trả lời đúng chỉ đạt <70% số điểm.

+ Kiến thức đạt: nếu tổng số điểm các câu trả lời đúng  $\geq 70\%$  số điểm.

+ Với phần kiến thức: bao gồm các câu hỏi từ câu số 4 đến câu số 27. Mỗi câu trả lời đúng đạt được 1 điểm. Tổng điểm được tính là 48 điểm, có kiến thức đạt phải đạt từ 33 điểm trở lên

\* Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu định lượng được nhập, quản lý và phân tích bằng phần mềm EPI-DATA

và SPSS 20.0. Các phân tích mô tả được sử dụng để mô tả tỷ lệ kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng một số yếu tố tác hại nghề nghiệp ở điều dưỡng viên, sử dụng tính test p, giá trị trung bình,...

### 2.3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được sự chấp thuận của ban lãnh đạo Trung tâm y tế huyện Bình Lục và có sự tự nguyện tham gia nghiên cứu của các đối tượng.

Các đối tượng tham gia vào nghiên cứu được giải thích rõ ràng về mục đích của nghiên cứu và tự nguyện tham gia vào nghiên cứu.

## 3. KẾT QUẢ

**Bảng 3.1. Kiến thức của điều dưỡng về các yếu tố THNN**

| Các yếu tố THNN      | Nhóm 1 (n=55) |      | Nhóm 2 (n=61) |      | Chung (n=116) |      | p     |
|----------------------|---------------|------|---------------|------|---------------|------|-------|
|                      | SL            | %    | SL            | %    | SL            | %    |       |
| Hóa chất, độc chất   | 26            | 47,3 | 32            | 52,5 | 58            | 50,0 | >0,05 |
| Bệnh phẩm, chất thải | 38            | 69,1 | 43            | 70,5 | 81            | 69,8 | >0,05 |
| Vật sắc nhọn         | 41            | 74,5 | 38            | 62,3 | 79            | 68,1 | >0,05 |
| MT quá nóng, lạnh    | 10            | 18,2 | 7             | 11,5 | 17            | 14,7 | >0,05 |
| Tâm lý, áp lực       | 29            | 52,7 | 19            | 31,1 | 48            | 41,4 | <0,05 |

Kết quả bảng 3.1 cho thấy kiến thức của điều dưỡng về các yếu tố THNN, điều dưỡng về bệnh phẩm và chất thải là 69,8%; vật sắc nhọn là 68,1%; hoá

chất và độc chất là 50,0%; có tới 41,4% cho là tâm lý và áp lực là một yếu tố THNN và có sự khác biệt giữa 2 nhóm 1 và 2 với  $p < 0,05$ .

**Bảng 3.2. Kiến thức của điều dưỡng về các yếu tố THNN sinh học**

| Các yếu tố THNN sinh học         | Nhóm 1 (n=55) |      | Nhóm 2 (n=61) |      | Chung (n=116) |      | p     |
|----------------------------------|---------------|------|---------------|------|---------------|------|-------|
|                                  | SL            | %    | SL            | %    | SL            | %    |       |
| Bệnh phẩm NB                     | 31            | 56,4 | 32            | 52,5 | 63            | 54,3 | >0,05 |
| Chất thải NB                     | 37            | 67,3 | 31            | 50,8 | 68            | 58,6 | >0,05 |
| Máu NB nhiễm VK, VR              | 39            | 70,9 | 33            | 54,1 | 72            | 62,1 | <0,05 |
| Môi trường làm việc nhiễm VK, VR | 36            | 65,5 | 43            | 70,5 | 79            | 68,1 | >0,05 |

Bảng 3.2 cho thấy tỷ lệ điều dưỡng cho rằng môi trường làm việc nhiễm VK, VR là yếu tố THNN sinh học là 68,1%; bệnh phẩm NB là 54,3%; máu NB nhiễm VK,

VR và chất thải NB lần lượt là 62,1% và 58,6% và có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa điều dưỡng ở nhóm 1 và 2 ở nội dung là máu NB nhiễm VK, VR ( $p < 0,05$ ).

**Bảng 3.3. Kiến thức của điều dưỡng về ảnh hưởng các yếu tố tác hại sinh học đối với cơ thể**

| Kiến thức          | Nhóm 1 (n=55) |      | Nhóm 2 (n=61) |      | Chung (n=116) |      | p     |
|--------------------|---------------|------|---------------|------|---------------|------|-------|
|                    | SL            | %    | SL            | %    | SL            | %    |       |
| Nhiễm virus VG B,C | 35            | 63,6 | 39            | 63,9 | 74            | 63,8 | >0,05 |
| Nhiễm Covid-19     | 32            | 58,2 | 46            | 75,4 | 78            | 67,2 | >0,05 |
| Lao, HIV/AIDS      | 32            | 58,2 | 38            | 62,3 | 70            | 60,3 | >0,05 |
| Bệnh hô hấp        | 32            | 58,2 | 25            | 41,0 | 57            | 49,1 | >0,05 |
| Tổn thương da      | 22            | 40,0 | 13            | 21,3 | 35            | 30,2 | <0,05 |

Kết quả bảng cho thấy có trên 60% ĐD cho rằng (63,8%;67,2%;60,3%). 49,1% ĐDV cho rằng cơ thể sẽ yếu tố THNN sinh học sẽ làm cơ thể dễ nhiễm các bệnh như Viêm gan B,C; Covid-19; Lao, HIV/AIDS dễ mắc các bệnh về hô hấp và các tổn thương về da là 30,2%.

**Bảng 3.4. Kiến thức của điều dưỡng về các biện pháp dự phòng THNN sinh học**

| Kiến thức                 | Nhóm 1 (n=55) |      | Nhóm 2 (n=61) |      | Chung (n=116) |      | p     |
|---------------------------|---------------|------|---------------|------|---------------|------|-------|
|                           | SL            | %    | SL            | %    | SL            | %    |       |
| Phòng hộ cá nhân          | 51            | 92,7 | 56            | 91,8 | 107           | 92,2 | >0,05 |
| Xử lý chất thải đúng      | 41            | 74,5 | 41            | 67,2 | 82            | 70,7 | >0,05 |
| Tập huấn đào tạo liên tục | 31            | 56,4 | 30            | 49,2 | 61            | 52,6 | >0,05 |
| ATVS lao động             | 32            | 58,2 | 24            | 39,3 | 56            | 48,3 | >0,05 |
| Tiêm phòng vaccine        | 31            | 56,4 | 38            | 62,3 | 69            | 59,5 | >0,05 |

Bảng 3.4 cho thấy có 92,2% điều dưỡng cho rằng để dự phòng THNN hoá học cần phải sử dụng phương tiện phòng hộ; 70,7% cho rằng phải xử lý chất thải đúng; 59,5% cho rằng phải tiêm vaccine; 52,6% cho rằng cần tập huấn và đào tạo liên tục và 48,3% cho rằng phải đảm bảo ATVS lao động.

**Bảng 3.5. Kiến thức của điều dưỡng về các THNN khác**

| Kiến thức    | Nhóm 1 (n=55) |      | Nhóm 2 (n=61) |      | Chung (n=116) |      | p     |
|--------------|---------------|------|---------------|------|---------------|------|-------|
|              | SL            | %    | SL            | %    | SL            | %    |       |
| Vật sắc nhọn | 46            | 83,6 | 47            | 77,0 | 93            | 80,2 | >0,05 |
| MT làm việc  | 14            | 25,5 | 19            | 31,1 | 33            | 28,4 | >0,05 |
| Bụi          | 17            | 30,9 | 11            | 18,0 | 28            | 24,1 | >0,05 |
| Khác         | 4             | 7,3  | -             | -    | 4             | 3,4  | >0,05 |

Bảng 3.5 cho thấy tỷ lệ điều dưỡng kê được vật sắc nhọn là yếu tố THNN là 68,1%; môi trường làm việc là 28,4% và bụi là 24,1%.



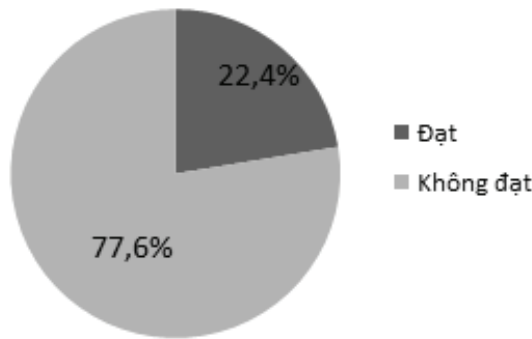
**Bảng 3.6. Kiến thức của điều dưỡng về biện pháp dự phòng THNN chung**

| Kiến thức                  | Nhóm 1 (n=55) |      | Nhóm 2 (n=61) |      | Chung (n=116) |      | p     |
|----------------------------|---------------|------|---------------|------|---------------|------|-------|
|                            | SL            | %    | SL            | %    | SL            | %    |       |
| Phòng hộ cá nhân           | 52            | 94,5 | 52            | 85,2 | 104           | 89,7 | >0,05 |
| Xử lý chất thải đúng       | 41            | 74,5 | 43            | 70,5 | 84            | 72,4 | >0,05 |
| Tập huấn, đào tạo liên tục | 31            | 56,4 | 28            | 45,9 | 59            | 50,9 | >0,05 |
| ATVS lao động              | 34            | 61,8 | 25            | 41,0 | 59            | 50,9 | >0,05 |
| Đảm bảo tiêm an toàn       | 38            | 69,1 | 33            | 54,1 | 71            | 61,2 | >0,05 |

Bảng 3.6 cho thấy có 89,7% điều dưỡng cho rằng để dự phòng THNN chung cần phải sử dụng phương tiện phòng hộ; 72,4% cho rằng phải xử lý chất thải

đúng; 61,2% cho rằng cần phải tiêm vaccine; 50,9% cho rằng phải đảm bảo ATVS lao động và tập huấn, đào tạo liên tục.

**Biểu đồ 3.4. Tỷ lệ điều dưỡng đạt về kiến thức về các yếu tố THNN (n=116)**



Biểu đồ 3.4 cho thấy tỷ lệ điều dưỡng đạt về kiến thức về các yếu tố THNN chỉ có 22,4%.

#### 4. BÀN LUẬN

Trong quá trình chăm sóc người bệnh, điều dưỡng phải tiếp xúc trực tiếp với nhiều yếu tố THNN khác nhau, bao gồm yếu tố sinh học (máu, dịch thể,...); vi sinh vật (vi khuẩn, vi rút, ký sinh trùng) tồn tại trong cơ thể người bệnh, chất thải và phương tiện trung gian (dụng cụ y tế tái sử dụng, bàn tay nhân viên y tế,...); yếu tố hoá học (thuốc, chất khử trùng,...) [6], [43]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra ở cả hai nhóm đều cho thấy 1/2 trong số điều dưỡng được hỏi kể được các yếu tố THNN hoá học (50%); 69,8% kể được các yếu tố THNN là bệnh phẩm và chất thải; 68,1% kể được vật sắc nhọn; các yếu tố khác chiếm tỷ lệ thấp hơn. Tuy nhiên, ở nhóm 1 các điều dưỡng biết được vật sắc nhọn và tâm lý áp lực cao hơn

nhóm 2 ( $p < 0,05$ ).

Về các yếu tố THNN sinh học: Tỷ lệ điều dưỡng kể được các yếu tố THNN sinh học cao nhất là biết về môi trường làm việc có các vi sinh vật là 68,1%; máu người bệnh nhiễm vi khuẩn và vi rút là 62,1%; chất thải người bệnh nhiễm vi sinh vật là 58,6%; bệnh phẩm người bệnh là 54,3%; Nhìn chung tỷ lệ điều dưỡng trả lời chưa cao về nội dung này. Tỷ lệ điều dưỡng kể được các tác hại do yếu tố sinh học gây ra: họ cho là nhiễm covid-19 là cao nhất chiếm 67,2%; nhiễm vi rút viêm gan B,C là 63,8%; nhiễm lao- HIV/AIDS là 60,3%; các nội dung khác tỷ lệ trả lời dưới 50%. Về các biện pháp dự phòng yếu tố THNN sinh học thì đa số điều dưỡng cũng nói đến phương tiện phòng hộ cá nhân (92,2%); xử lý chất thải đúng là 70,7%; cũng có 52,6% điều dưỡng đề cập đến nội dung tập huấn và đào tạo liên tục và 48,3% là an toàn vệ sinh lao động. Về các bệnh được bảo hiểm do các THNN sinh học tỷ lệ trả lời rất thấp chỉ có HIV/AIDS là chiếm tỷ lệ cao

nhất 57,8%; còn các bệnh khác như Lao nghề nghiệp, viêm gan vi rút B,C; hen nghề nghiệp đều có tỷ lệ trả lời dưới 50%. So sánh về nội dung này với một số nghiên cứu khác cho thấy như sau: nghiên cứu của tác giả Bùi Thị Lệ Uyên cho biết tỷ lệ nhân viên y tế biết được tác nhân gây bệnh do vi sinh vật gây ra đối với HBV là 69,3%; HCV là 54,0%; HIV là 78%; lao là 61%; như vậy kết quả cũng tương đồng nghiên cứu của chúng tôi [2].

*Về các yếu tố THNN khác:* Kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra có 80,2% điều dưỡng khi được hỏi kể được THNN do vật sắc nhọn. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp, bởi vì trong công việc của điều dưỡng tiếp xúc trực tiếp hàng ngày với vật sắc nhọn là thường xuyên, và kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng chỉ ra tỷ lệ điều dưỡng bị THNN do vật sắc nhọn chiếm khá cao là 55,6%. Đa số điều dưỡng cũng kể được ảnh hưởng của THNN do vật sắc nhọn là nhiễm tác nhân gây bệnh chiếm 79,3%; tổn thương ngoài da là 44,8%. Biện pháp dự phòng là sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân là 89,7%; xử lý chất thải đúng là 72,4%; 61,2% nói tới tiêm an toàn. Mũi tiêm an toàn là mũi tiêm không gây nguy hại cho người được tiêm không gây phơi nhiễm cho người tiêm đối với các nguy cơ có khả năng tránh được và không để lại chất thải nguy hại cho cộng đồng. Ngoài ra, kết quả chỉ rõ có 50% điều dưỡng đề cập đến nội dung tập huấn và đào tạo liên tục; an toàn vệ sinh lao động. Đây là nội dung mà các tỷ lệ các điều dưỡng khi được hỏi về biện pháp dự phòng THNN nói chung đều đề cập với khoảng 50%. Kết quả về tỷ lệ điều dưỡng được tập huấn và đào tạo liên tục mới chỉ chiếm 68,1%. Số lần được tập huấn 1 lần là 38%; được tập huấn hàng năm là 36,7%. Để đánh giá chung về kiến thức của điều dưỡng về các yếu tố THNN, kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng tỷ lệ điều dưỡng đạt kiến thức về THNN với tỷ lệ rất thấp với 22,4%. (viết trong phần pp) Mặc dù khi được hỏi tỷ lệ điều dưỡng trả lời được một số nội dung với tỷ lệ trên 50%. Một nghiên cứu của tác giả tại Pakistan cũng cho biết 67,5% điều dưỡng có kiến thức cao về các nguy cơ nghề nghiệp[25]. Nghiên cứu của Cao Thùy Dung và Đào Xuân Vinh cho kết quả 41,2% nhân viên điều dưỡng có kiến thức đạt về tiêm an toàn, 58,9% có kiến thức không đạt[55].

## 5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ điều dưỡng đạt kiến thức về các yếu tố tác hại nghề nghiệp là 22,4%. Điều dưỡng biết được tác hại do nhóm bệnh phẩm chất thải là 69,8%, vật sắc nhọn là 68,1%. Các yếu tố tác hại nghề nghiệp sinh học đạt 54,3% đến 68,1%. Điều dưỡng biết được ảnh hưởng của virút viêm gan B, C là 63,8%; nhiễm Covid là 67,2%; nhiễm lao, HIV/AIDS (60,3%); tổn thương đường hô hấp (49,1%).. Có 92,2% điều dưỡng kể được biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp sinh học là sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân. 52.6% cho rằng cần tập huấn và đào tạo liên tục; 48,3% cho rằng cần đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Y tế- Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư liên tịch 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT quy định về quản lý chất thải y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế- Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành, 2015.
- [2] Bộ Y tế, Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” Ban hành kèm theo Quyết định số 367/QĐ-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế, 2012.
- [3] Bùi Thị Lệ Uyên, Nguyễn Nhân Nghĩa, Trần Thị Ngọc Lan, Thực trạng bệnh nghề nghiệp của nhân viên y tế thành phố Cần Thơ năm 2015-2016, Tạp chí Y học dự phòng, tập 26, số 11 (184), 2016, Tr.146.
- [4] Awan A, Afzal M, Majeed I et al., Assesment of knowledge, attitude and practicies regarding occupational hazards among nurses at Nawaz sharif Social security hospital Lahore Pakistan, Saudi J.Med. Pharm, Sci, 3 (6), 2017, pp. 622-630
- [5] Cao Thùy Dung, Đào Xuân Vinh, Kiến thức, thực hành về tiêm an toàn và một số yếu tố liên quan của điều dưỡng lâm sàng tại Viện Bông Quốc gia năm 2017, Tạp chí Y học Dự phòng, Tập 29, số 1, 2019, Tr.33-35.

